

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HOÁ CHẤT DẦU KHÍ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126 /CMT-HĐQT
V/v CBTT báo cáo tài chính năm 2017
đã được kiểm toán

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung
2. Mã chứng khoán: PCE
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô A2, Cụm Công Nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
4. Điện thoại: 0256.3848488 Fax: 0256.3848588
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Văn Quyền, Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình:

Qua bảng so sánh và phân tích cho thấy lợi nhuận sau thuế giảm 30,34% so với cùng kỳ năm trước, do tác động bởi 2 yếu tố chính:

 - Giá vốn của mặt hàng Ure Phú Mỹ tăng 7,64% so với cùng kỳ năm trước;
 - Giá vốn của các mặt hàng tự doanh khác tăng 1,56% so với cùng kỳ năm trước.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pce.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- P.TCKT;
- P.TCHC (đăng tin website);
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

Đính kèm:

BCTC năm 2017 đã được kiểm toán.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
THÀNH VIÊN HĐQT



Nguyễn Văn Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Phạm Trung	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Số: 479 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 02 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2018-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.986.239.340	143.787.164.341
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.850.206.509	63.204.394.507
1. Tiền	111		6.850.206.509	8.204.394.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	55.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.876.336.601	28.161.092.441
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.453.841.150	21.025.962.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.588.487.250	5.628.548.064
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	834.008.201	1.506.582.103
IV. Hàng tồn kho	140	9	21.226.491.150	32.137.447.147
1. Hàng tồn kho	141		21.226.491.150	33.762.514.698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.625.067.551)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.205.080	284.230.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	33.205.080	284.230.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.492.247.629	52.352.719.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		156.560.000	123.870.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		156.560.000	123.870.000
II. Tài sản cố định	220		40.636.401.459	45.938.729.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.152.670.197	24.289.979.517
- Nguyên giá	222		70.628.907.323	71.075.140.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.476.237.126)	(46.785.160.953)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.483.731.262	21.648.749.657
- Nguyên giá	228		22.256.641.250	22.256.641.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(772.909.988)	(607.891.593)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.659.286.170	6.290.120.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.598.081.395	6.095.540.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		61.204.775	194.579.653
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		194.478.486.969	196.139.883.679

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

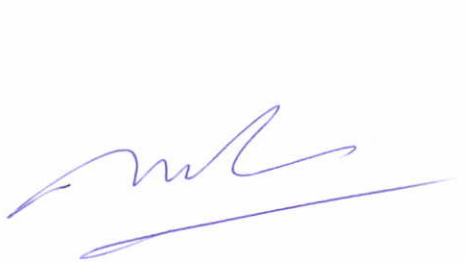
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.452.030.447	35.142.098.371
I. Nợ ngắn hạn	310		33.452.030.447	35.142.098.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.859.746.930	6.686.999.670
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	18.202.447.513	8.440.870.941
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.539.560.886	3.358.433.559
4. Phải trả người lao động	314		4.707.691.953	4.035.857.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		306.023.873	972.898.264
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	142.498.668	6.085.462.650
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.694.060.624	5.561.575.502
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		161.026.456.522	160.997.785.308
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	161.026.456.522	160.997.785.308
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.884.718.104	24.884.718.104
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.141.738.418	36.113.067.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		28.113.067.204	30.159.116.852
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.028.671.214	5.953.950.352
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		194.478.486.969	196.139.883.679



Phạm Thương Tín
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng




Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.053.425.572.054	2.021.161.420.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	35.649.476.029	23.909.723.929
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	2.017.776.096.025	1.997.251.696.448
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.940.617.853.044	1.910.248.763.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77.158.242.981	87.002.932.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.105.256.914	5.217.623.983
7. Chi phí tài chính	22		114.722.774	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		79.260.274	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	35.059.641.661	35.934.951.956
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	23.471.996.377	24.996.705.996
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		21.617.139.083	31.288.898.907
11. Thu nhập khác	31	24	401.184.697	203.652.211
12. Chi phí khác	32	24	23.157.396	10.583
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	378.027.301	203.641.628
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.995.166.384	31.492.540.535
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	4.325.952.488	6.492.946.000
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		133.374.878	(168.021.389)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.535.839.018	25.167.615.924
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.403	1.921



Phạm Thương Tín
 Người lập biểu



Lê Thanh Viên
 Kế toán trưởng




Trần Tuấn Nam
 Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
 Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
 Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

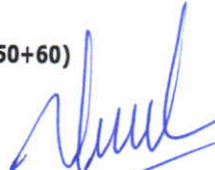
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.995.166.384	31.492.540.535
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.302.327.715	6.451.561.580
Các khoản dự phòng	03		(1.625.067.551)	(2.752.894.177)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(3.166.800)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.158.397.823)	(5.217.623.983)
Chi phí lãi vay	06		79.260.274	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.593.288.999	29.970.417.155
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.366.949.173	(2.132.100.946)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.536.023.548	34.639.263.827
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.667.551.473	(63.420.605.294)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		748.484.282	(93.329.155)
Tiền lãi vay đã trả	14		(79.260.274)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.814.177.007)	(7.953.963.611)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	646.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.424.682.682)	(8.869.100.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.644.177.512	(17.213.418.377)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(79.000.000)	(1.662.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		53.140.909	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(150.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	140.000.000.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.029.373.581	4.963.804.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.996.485.510)	(6.698.495.461)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		26.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	35		(26.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.001.880.000)	(20.009.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.001.880.000)	(20.009.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		6.645.812.002	(43.921.733.838)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		63.204.394.507	107.126.128.345
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		69.850.206.509	63.204.394.507



Phạm Thương Tín
 Người lập biểu



Lê Thanh Viên
 Kế toán trưởng




Trần Tuấn Nam
 Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 63 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn; quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	247.947.567	186.869.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.602.258.942	8.017.525.086
Các khoản tương đương tiền (*)	63.000.000.000	55.000.000.000
	69.850.206.509	63.204.394.507

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	2.064.182.380	11.322.847.500
Các khách hàng khác	688.987.785	61.326.318
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	8.700.670.985	9.641.788.456
	11.453.841.150	21.025.962.274

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thào Nguyên Xanh	39.000.000	-
Trả trước cho người bán các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	4.549.487.250	5.628.548.064
	4.588.487.250	5.628.548.064

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	623.299.999	168.916.666
Phải thu khác	151.821.052	494.562.427
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	58.887.150	843.103.010
	834.008.201	1.506.582.103

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	7.500.000	-	1.330.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	106.950.800	-
Hàng hóa	21.218.991.150	-	33.654.233.898	(1.625.067.551)
Cộng	21.226.491.150	-	33.762.514.698	(1.625.067.551)

Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị 1.625.067.551 đồng do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.449.696.178	71.075.140.470
Thanh lý	-	-	-	(446.233.147)	(446.233.147)
Số dư cuối năm	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.003.463.031	70.628.907.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	40.557.721.406	454.718.500	3.653.137.291	2.119.583.756	46.785.160.953
Trích khấu hao trong năm	4.134.459.105	-	846.633.004	156.217.211	5.137.309.320
Thanh lý	-	-	-	(446.233.147)	(446.233.147)
Số dư cuối năm	44.692.180.511	454.718.500	4.499.770.295	1.829.567.820	51.476.237.126
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	21.633.975.051	-	2.325.892.044	330.112.422	24.289.979.517
Tại ngày cuối năm	17.499.515.946	-	1.479.259.040	173.895.211	19.152.670.197

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.775.062.447 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.938.807.568 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
Số dư cuối năm	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	537.706.650	70.184.943	607.891.593
Trích khấu hao trong năm	113.780.608	51.237.787	165.018.395
Số dư cuối năm	651.487.258	121.422.730	772.909.988
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	21.565.221.239	83.528.418	21.648.749.657
Tại ngày cuối năm	21.451.440.631	32.290.631	21.483.731.262

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	33.205.080	284.230.246
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	33.205.080	190.618.421
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	93.611.825
b) Dài hạn	5.598.081.395	6.095.540.511
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.181.897.829	5.334.681.057
Chi phí trả trước dài hạn khác	416.183.566	760.859.454
	5.631.286.475	6.379.770.757

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.160.588.563	1.160.588.563	1.034.048.893	1.034.048.893
Công ty TNHH Vân Hùng Wine	885.000.000	885.000.000	855.000.000	855.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.675.098.707	1.675.098.707	1.630.924.347	1.630.924.347
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	139.059.660	139.059.660	3.167.026.430	3.167.026.430
	3.859.746.930	3.859.746.930	6.686.999.670	6.686.999.670

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Phân bón Minh Tân	5.390.890.010	-
Công ty TNHH Hồng Nhung	2.303.871.665	1.136.495.678
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	2.190.357.313	1.013.969.141
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	2.049.342.184	1.273.257.924
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T & A	783.440.526	144.830.000
Các khách hàng khác	5.213.436.477	1.526.137.888
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	271.109.338	3.346.180.310
	18.202.447.513	8.440.870.941

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	643.544.024	1.400.318.854	1.238.847.144	805.015.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.969.978.893	4.325.952.488	4.814.177.007	1.481.754.374
Tiền thuế đất	-	2.346.000	2.346.000	-
Các loại thuế khác	744.910.642	2.293.580.454	2.785.700.318	252.790.778
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	744.910.642	2.290.580.454	2.782.700.318	252.790.778
Cộng	3.358.433.559	8.022.197.796	8.841.070.469	2.539.560.886

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	35.951.461	-
Cổ tức phải trả	720.000	1.502.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	103.387.847	80.423.290
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	2.439.360	4.502.439.360
	142.498.668	6.085.462.650

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	23.626.337.308	39.557.009.447	163.183.346.755
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.167.615.924	25.167.615.924
Trích lập quỹ	-	1.258.380.796	(8.611.558.167)	(7.353.177.371)
Chia cổ tức	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	24.884.718.104	36.113.067.204	160.997.785.308
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.535.839.018	17.535.839.018
Trích lập quỹ (i)	-	-	(3.507.167.804)	(3.507.167.804)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	24.884.718.104	36.141.738.418	161.026.456.522

(i) Căn cứ vào Nghị quyết số 117/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 3.507.167.804 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(ii) Theo Nghị quyết số 117/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, theo đó cổ tức chia cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 là 20.000.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã tạm trích cổ tức với số tiền 12.000.000.000 đồng, số còn lại đã được Công ty chia cho các cổ đông trong năm nay. Đồng thời, trong năm 2017, Công ty đã tạm trích cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2017 là 6.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000	17.100.000.000
	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 20 và 21.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu phân bón	2.024.500.675.500	1.984.712.004.710
Doanh thu hóa chất	-	1.970.665.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.924.896.554	34.478.749.867
	2.053.425.572.054	2.021.161.420.377
Chiết khấu thương mại	35.649.476.029	23.032.688.929
Giảm giá hàng bán	-	877.035.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.017.776.096.025	1.997.251.696.448
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	56.107.704.591	684.407.444.593

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn phân bón	1.912.027.958.760	1.874.306.341.377
Giá vốn hóa chất	-	1.874.628.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.589.894.284	34.067.794.195
	1.940.617.853.044	1.910.248.763.572

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	26.028.838.214	24.138.127.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.302.327.715	6.451.561.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.222.441.911	62.836.656.560
Chi phí khác bằng tiền	2.453.683.960	2.826.344.414
	85.007.291.800	96.252.690.445

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	12.140.004.691	10.575.207.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.148.763.529	5.470.396.318
Các khoản chi phí bán hàng khác	20.770.873.441	19.889.348.102
	<u>35.059.641.661</u>	<u>35.934.951.956</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	13.496.491.033	13.177.468.239
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.975.505.344	11.819.237.757
	<u>23.471.996.377</u>	<u>24.996.705.996</u>

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập khác	401.184.697	203.652.211
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	255.009.197	184.357.472
Thu nhập từ thanh lý tài sản	53.140.909	-
Thu nhập khác	93.034.591	19.294.739
Chi phí khác	23.157.396	10.583
Chi phí thanh lý tài sản	7.000.000	-
Chi phí khác	16.157.396	10.583
Lợi nhuận khác	<u>378.027.301</u>	<u>203.641.628</u>

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	21.995.166.384	31.492.540.535
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	607.494.321	972.189.465
Trừ: các khoản chi phí không được khấu trừ năm trước chuyển sang	(972.898.264)	-
Thu nhập chịu thuế	21.629.762.441	32.464.730.000
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.325.952.488</u>	<u>6.492.946.000</u>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>4.325.952.488</u>	<u>6.492.946.000</u>

26. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.535.839.018	25.167.615.924
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	3.507.167.804	5.955.284.776
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	14.028.671.214	19.212.331.148
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.403	1.921

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	152.783.228

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m²/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bán hàng	27.930.809.687	649.988.307.294
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	11.147.450.000	33.652.875.975
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	14.845.859.687	13.547.893.750
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	775.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.162.500.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	1.970.665.800
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	660.450.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	557.761.421.769
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	42.395.000.000
Cung cấp dịch vụ	28.176.894.904	34.419.137.299
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	4.234.587.620
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	28.172.651.704	30.153.809.676
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	4.243.200	470.363
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	30.269.640
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.828.510.611.354	1.815.517.337.371
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.781.204.495.565	1.376.860.825.448
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	13.637.665.306	248.348.461
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	340.105.364.912
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	66.240.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	6.183.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	330.671.675	358.990.522
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	60.005.000	56.083.500
Công ty TNHH MTV Minh Tân	31.540.000.000	90.614.302.500
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	265.347.500	20.700.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	699.679.634	920.074.208
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nguyên	177.468.300	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	40.257.800	24.392.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	555.020.574	59.015.100
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.000.000.000	15.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	5.056.230.008	5.158.702.014

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	8.700.670.985	9.641.788.456
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.695.486.065	2.572.273.456
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	33.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	5.184.920	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	7.069.482.000
Trả trước cho người bán	4.549.487.250	5.628.548.064
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.549.487.250	4.328.548.064
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	1.300.000.000
Phải thu khác	58.887.150	843.103.010
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	58.887.150	464.603.010
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	378.500.000
Phải trả người bán	139.059.660	3.167.026.430
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	3.072.220.849
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	139.059.660	94.805.581
Người mua trả tiền trước	271.109.338	3.346.180.310
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	132.794.025	141.744.025
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	138.315.313	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	2.543.986.285
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	660.450.000
Phải trả ngắn hạn khác	2.439.360	4.502.439.360
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.439.360	4.502.439.360
- Cổ tức	-	4.500.000.000
- Phải trả khác	2.439.360	2.439.360



Phạm Thương Tín
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018